

**BÁO CÁO**

**Tổng kết công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và gọi công dân  
thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân năm 2017**

Thực hiện Quyết định số 1937/QĐ-TTg ngày 12/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chỉ tiêu tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân (CAND) năm 2017; Quyết định số 2111/QĐ-TTg ngày 07/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc gọi công dân nhập ngũ năm 2017;

UBND tỉnh đã chỉ đạo, triển khai và tổ chức thực hiện công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia CAND (gọi tắt là công tác tuyển quân) năm 2017 đạt được những kết quả như sau:

**Phần thứ nhất**

**ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC TUYỂN QUÂN NĂM 2017**

UBND tỉnh triển khai thực hiện nhiệm vụ tuyển quân trong điều kiện tình hình chính trị ổn định, quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh được giữ vững, nền kinh tế tiếp tục phát triển, đời sống của nhân dân được cải thiện. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi cơ bản, trong thời gian những tháng cuối năm 2016, tỉnh Bình Định đã bị 5 đợt lũ lụt, gây thiệt gần 2.000 tỷ đồng làm ảnh hưởng lớn đến sản xuất, đời sống sinh hoạt của nhân dân và một số gia đình có thanh niên trúng tuyển sức khỏe nghĩa vụ quân sự (NVQS), nghĩa vụ tham gia CAND... Mặt khác, một số lượng lớn thanh niên trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ (SSNN), thường xuyên vắng tại địa phương do thiếu việc làm, phải đi làm ăn xa; nhận thức của một bộ phận nhân dân, nhất là thanh niên trong độ tuổi thực hiện NVQS, nghĩa vụ tham gia CAND về trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc có mặt còn hạn chế.

Song, được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu 5; sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã chỉ đạo Hội đồng NVQS tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tham mưu hướng dẫn triển khai thực hiện công tác tuyển quân năm 2017 đạt được một số kết quả đó là:

**1. Tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị của Tư lệnh Quân khu, Hướng dẫn của Bộ Tham mưu Quân khu 5 về công tác tuyển quân năm 2017**

UBND tỉnh đã quán triệt nhiệm vụ, chỉ tiêu của Thủ tướng Chính phủ giao, tổ chức hội nghị giao nhiệm vụ, chỉ tiêu cho các huyện, thị xã, thành phố phù hợp với đặc điểm, tình hình của từng địa phương, hướng dẫn triển khai các địa phương thực hiện công tác tuyển quân chặt chẽ. Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đã

quán triệt sâu sắc nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao, xác định công tác tuyển quân là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2017.

## **2. Công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền, Hội đồng NVQS, lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện chỉ tiêu tuyển quân năm 2017**

a) Địa phương tiếp tục thực hiện tròn khâu, tuyển người nào, chắc người đó và không có loại trả sau giao quân. Hội đồng NVQS đã làm tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo các địa phương kiện toàn HĐNVQS, Hội đồng khám sức khỏe NVQS các cấp đúng thành phần, đủ số lượng theo quy định; ban hành các văn bản chỉ đạo, nâng cao chất lượng trong công tác tuyển quân.

b) Bộ CHQS tỉnh, Công an tỉnh đã ban hành kế hoạch, hướng dẫn và các văn bản chỉ đạo trực tiếp cơ quan quân sự, cơ quan công an các huyện, thị xã, thành phố làm tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương thực hiện nội dung, trình tự các bước trong công tác tuyển quân bảo đảm kịp thời, hiệu quả. Phối hợp với các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, hội, đoàn thể các huyện, thị xã, thành phố phát huy sức mạnh tổng hợp đồng bộ, thống nhất cao của cả hệ thống chính trị, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền cùng cấp tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện quy trình các bước tuyển quân đúng nguyên tắc, công khai, dân chủ, công bằng trong tuyển quân.

## **3. Kết quả thực hiện các bước tuyển quân năm 2017**

a) Công tác tập huấn, bồi dưỡng công tác tuyển quân

Đã chỉ đạo cho cơ quan quân sự, cơ quan công an, cơ quan y tế các cấp tổ chức tập huấn quy trình các bước trong công tác tuyển quân, công tác sơ tuyển, khám sức khỏe... một cách toàn diện, đồng bộ, chặt chẽ và đã phát huy được hiệu quả tốt trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện công tác tuyển quân.

b) Công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự

Các địa phương thực hiện nghiêm túc việc đăng ký NVQS, xây dựng kế hoạch và tiến hành đăng ký chặt chẽ, đúng quy định. Một số địa phương đăng ký hết số lượng như: thị xã An Nhơn, huyện Tây Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, huyện Vân Canh, huyện An Lão (*kết quả đăng ký NVQS có phụ 1 lục kèm theo*).

c) Chốt thực lực công dân nam trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ

Hội đồng NVQS các cấp, quân, dân chính đảng cấp thôn đã tổ chức rà soát, chốt thực lực nam thanh niên trong độ tuổi SSNN của 11 huyện, thị xã, thành phố là: 80.220/1.574.539 người, chiếm 5,1% so với dân số.

d) Công tác sơ tuyển sức khỏe nghĩa vụ quân sự

Căn cứ vào kế hoạch tuyển quân, các địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch sơ tuyển sức khỏe NVQS, triển khai thực hiện đi vào nề nếp, bước đầu có hiệu quả (các địa phương thực hiện tốt công tác sơ tuyển, nổi lên đó là thị xã An Nhơn, thành phố Quy Nhơn).

đ) Tổ chức xét duyệt chính trị, chính sách

Hội đồng NVQS các cấp tiến hành xét duyệt chính trị, chính sách đúng quy định; qua xét duyệt đã phân loại, kết luận chính xác, rõ ràng các mối quan

hệ về kinh tế, chính trị, xã hội, chính sách của gia đình và bản thân thanh niên; công khai dân chủ, bảo đảm công bằng xã hội, tạo sự đồng thuận trong quần chúng nhân dân (*số liệu xét duyệt có phụ lục 2 kèm theo*).

e) Tổ chức khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự

- Cơ quan thường trực Hội đồng NVQS tỉnh đã phối hợp với Sở Y tế chỉ đạo Hội đồng khám sức khỏe NVQS các huyện, thị xã, thành phố bảo đảm đủ trang thiết bị y tế; triển khai kế hoạch khám sức khỏe NVQS, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về nghiệp vụ chuyên môn cho đoàn khám; tổ chức khám chặt chẽ, kết luận, phân loại sức khỏe cho từng thanh niên đúng theo Thông tư liên tịch số 16/2016/TTLT-BYT-BQP ngày 30/6/2016 của liên Bộ Y tế - Bộ Quốc phòng (*kết quả khám sức khỏe có phụ lục 3 kèm theo*)

f) Công tác kiểm tra lại sức khỏe trước khi giao quân

Hội đồng NVQS tỉnh đã chỉ đạo các địa phương tiến hành kiểm tra lại sức khỏe toàn bộ thanh niên có lệnh gọi nhập ngũ, qua kiểm tra đã kịp thời phát hiện, thay thế 48 trường hợp thay đổi tình trạng sức khỏe so với kết quả khám phân loại sức khỏe ban đầu, đảm bảo giao quân cho các đơn vị đạt chất lượng cao, qua phúc tra lại sức khỏe tại các đơn vị nhận quân đến nay không có trường hợp phải loại trả.

g) Việc xác lập hồ sơ nghĩa vụ quân sự, cử đảng viên, kết nạp đảng viên, tạo nguồn trong gọi công dân nhập ngũ

- Các địa phương đã tiến hành kê khai xác lập sơ yếu lý lịch NVQS của từng thanh niên chuẩn bị nhập ngũ rõ ràng, chính xác, không tẩy xóa, không có trường hợp hồ sơ bị loại trả sau giao quân.

- Công tác phát triển đảng viên, cử đảng viên trong thanh niên nhập ngũ được cấp ủy đảng, chính quyền các địa phương quan tâm chỉ đạo sâu sát, thực hiện đúng quy định; đã kết nạp và giao quân có thanh niên đảng viên cho các đơn vị 68/2.751 chỉ tiêu, đạt tỷ lệ 2,5% (trong đó, đảng viên nhập ngũ vào Quân đội: 55, Công an: 13).

i) Thực hiện hiệp đồng giao nhận quân, chốt quân số, phát lệnh gọi công dân nhập ngũ

- Hội đồng NVQS tỉnh, Hội đồng NVQS các huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức hội nghị hiệp đồng giao nhận quân với các đơn vị đúng theo kế hoạch, thời gian quy định. Các huyện, thị xã, thành phố đã chủ động phối hợp chặt chẽ với các đơn vị nhận quân, thống nhất chốt quân số, phát lệnh gọi nhập ngũ, bảo đảm giao quân đủ chỉ tiêu, chất lượng cao.

- Trong quá trình chuẩn bị cho việc giao nhận quân, các huyện, thị xã, thành phố đã kịp thời trao đổi thông tin với đơn vị nhận quân về tình hình di, biến động của thanh niên để đơn vị nắm và thống nhất điều chỉnh cho phù hợp; do vậy đã tạo được sự thống nhất cao trong quá trình tổ chức thực hiện (*kết quả phát lệnh gọi nhập ngũ có phụ lục 4 kèm theo*).

- Hội đồng NVQS các cấp đã phân công trách nhiệm cho các thành viên phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, hội, đoàn thể và quân dân chính đảng các

thôn, làng, khu phố thực hiện tròn khâu, quản lý chặt chẽ thanh niên có lệnh gọi nhập ngũ, nắm chắc tình hình của gia đình và thanh niên trước khi nhập ngũ, để có biện pháp giải quyết kịp thời. Đồng thời, thông báo cho đơn vị nhận quân biết, có biện pháp quản lý, giáo dục ngay từ ngày đầu nhập ngũ.

- Ban CHQS các huyện, thị xã, thành phố đã chỉ đạo và triển khai việc giao lệnh gọi nhập ngũ, đến từng thanh niên trúng tuyển đúng theo luật định. Các địa phương tổ chức giao lệnh tập trung tại UBND xã, phường, thị trấn có đại diện lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đoàn thể và gia đình có con em nhập ngũ đến dự, nhằm để động viên thanh niên sẵn sàng nhận lệnh và lên đường nhập ngũ.

- Việc cấp phát quân trang cho thanh niên lên đường nhập ngũ thực hiện đúng theo hướng dẫn. Các đơn vị và địa phương hiệp đồng chặt chẽ phương tiện vận chuyển quân, có kế hoạch cụ thể, chu đáo, vận chuyển quân về đơn vị an toàn, đúng quy định.

j) Thực hiện công bằng xã hội, xử lý công dân vi phạm Luật Nghĩa vụ quân sự, thực hiện việc “3 cử 4 công khai”. Công tác tuyên truyền giáo dục, động viên và chính sách hậu phương quân đội.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo Hội đồng NVQS tỉnh và các cơ quan, ban, ngành, hội, đoàn thể liên quan phối hợp chặt chẽ, chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, qua kiểm tra các địa phương tổ chức triển khai thực hiện quy trình các bước chuẩn bị tuyển quân bảo đảm đồng bộ, thống nhất, dân chủ, công bằng xã hội đúng quy định của pháp luật, thực hiện tốt việc “3 cử 4 công khai” tạo được sự đồng thuận trong nhân dân.

- Các địa phương đã tiến hành xử lý các trường hợp vi phạm Luật Nghĩa vụ quân sự đúng theo Nghị định 120/2013/NĐ-CP ngày 09/10/2013 của Chính phủ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu. Kết quả xử lý được thông báo rộng rãi để giáo dục chung trong quần chúng nhân dân, kịp thời giải quyết những vướng mắc có liên quan đến việc thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự ở địa phương theo thẩm quyền (*kết quả xử lý có phụ lục 5 kèm theo*).

- Cấp ủy đảng, chính quyền, các ban, ngành, mặt trận, hội, đoàn thể các cấp đã tổ chức tuyên truyền giáo dục sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân nhất là thanh niên có lệnh gọi đăng ký NVQS, lệnh điều động khám sức khỏe NVQS, lệnh gọi nhập ngũ về ý thức chấp hành nghiêm Luật Nghĩa vụ quân sự bằng nhiều nội dung thiết thực, hình thức phong phú và tiến hành tốt công tác hậu phương quân đội, công tác chính sách đối với gia đình có thanh niên nhập ngũ đạt hiệu quả tốt như: Tổ chức thăm hỏi, tặng quà, động viên gia đình, công dân trúng tuyển chấp hành nghiêm lệnh gọi nhập ngũ; tổ chức tuyên truyền về chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước đối với quân nhân xuất ngũ như: Quyết định số 121/2009/QĐ-TTg ngày 09/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư liên tịch số 04/2010/TTLT-BQP-BTC ngày 14/01/2010 của liên Bộ Quốc phòng - Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ bộ đội xuất ngũ học nghề; giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động cho quân nhân xuất ngũ; chăm lo gia đình thuộc diện chính sách.

k) Tổ chức lễ giao, nhận quân và thực hành giao, nhận quân

- UBND huyện, thị xã, thành phố đã chỉ đạo cho Ban CHQS phối hợp với các ban, ngành, hội, đoàn thể cùng cấp làm tốt công tác tuyên truyền, cổ động trước, trong ngày hội tòng quân từ huyện, thị xã, thành phố đến xã, phường, thị trấn và thôn, xóm với nhiều hình thức, có tính giáo dục cao, tạo cho ngày giao quân thực sự là ngày hội của toàn dân bảo vệ Tổ quốc.

- Lễ giao, nhận quân được tổ chức trang trọng, chuẩn bị chu đáo, kết hợp chặt chẽ giữa phần hội, phần lễ; giao quân nhanh gọn, an toàn, tiết kiệm, đúng theo hướng dẫn của các cấp về việc tổ chức lễ giao, nhận quân hàng năm.

- Chất lượng giao quân được nâng cao như: Tuổi đời, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn, ngành nghề, đảng viên, sức khỏe ... cao hơn so với năm 2016 (*kết quả giao nhận quân có phụ lục 6, 7 kèm theo*).

#### 1) Công tác giao quân gắn với vùng động viên

Các huyện, thị xã, thành phố giao quân cho Sư đoàn BB2, Sư đoàn BB315 và các đơn vị quân, binh chủng đã kết hợp chặt chẽ giữa công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ gắn với xây dựng LLDBĐV; các đơn vị binh chủng của Bộ, Quân khu nhận quân đúng với địa bàn giao nguồn động viên (cấp xã, phường, thị trấn); đồng thời, đã chủ động hiệp đồng với các đơn vị nhận quân có kế hoạch biên chế, sắp xếp chiến sĩ mới vào các đơn vị binh chủng để đào tạo CNQS, theo nhu cầu trong kế hoạch xây dựng LLDBĐV.

### 4. Đánh giá chung

Trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện công tác tuyển quân năm 2017 nổi lên những ưu, khuyết điểm đó là:

#### a) Ưu điểm

- Hội đồng NVQS tỉnh đã làm tốt chức năng tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn UBND, HĐNVQS các địa phương và cơ quan quân sự, cơ quan công an các cấp triển khai thực hiện các bước tuyển quân đúng quy trình và văn bản hướng dẫn của các cấp.

- Cấp ủy, chính quyền các huyện, thị xã, thành phố tổ chức quán triệt sâu sắc nhiệm vụ, chỉ tiêu của tỉnh giao; chỉ đạo HĐNVQS, cơ quan quân sự, cơ quan công an thực hiện tốt các bước chuẩn bị và gọi công dân nhập ngũ.

- Hội đồng NVQS các cấp đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban, ngành, mặt trận, hội, đoàn thể cùng cấp trong việc động viên, tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn nhân dân chấp hành đúng Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Công an nhân dân.

- Hội đồng NVQS tỉnh đã chỉ đạo Hội đồng NVQS các huyện, thị xã, thành phố thực hiện đúng quy trình các bước tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia CAND. Kết quả giao quân tốt hơn năm 2016 nhất là không có loại trả do không đủ tiêu chuẩn sức khỏe (năm 2016 loại trả 40 thanh niên).

- Các địa phương thực hiện tốt công tác hiệp đồng với đơn vị nhận quân; các đơn vị nhận quân cũng đã phối hợp chặt chẽ với địa phương giao quân và tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ; thực hiện tốt kế

hoạch hiệp đồng giao nhận quân, gắn tuyển quân hiện nay với vùng động viên sau này.

- Cấp ủy đảng, chính quyền các huyện, thị xã, thành phố đã quan tâm, chỉ đạo chặt chẽ buổi lễ giao nhận quân cả về nội dung và hình thức. Tiến hành giao quân nhanh gọn, bảo đảm an toàn, tiết kiệm, với khí thế sôi nổi, ngày hội tòng quân của tuổi trẻ, đây cũng là ngày hội chung của toàn dân bảo vệ Tổ quốc.

#### b) Khuyết điểm

- Công tác tuyên truyền giáo dục Luật Nghĩa vụ quân sự của một số địa phương chưa sâu rộng trong nhân dân, thời lượng tuyên truyền còn ít, tổ chức tuyên truyền chưa thường xuyên, chỉ thực hiện theo từng giai đoạn trong tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, hình thức giáo dục tuyên truyền còn đơn điệu, chưa đa dạng, phong phú, chưa có sức lan tỏa lớn trong quần chúng nhân dân.

- Một số Hội đồng NVQS khi xét duyệt chính trị, chính sách nắm chưa chặt chẽ lai lịch của thanh niên, nên khi xác lập một số nội dung còn thiếu hoặc thông tin không rõ ràng (huyện Phù Cát, huyện Phù Mỹ, huyện An Lão). Các địa phương khi xét duyệt phân loại thanh niên không đủ điều kiện để miễn hoãn về sức khỏe, nhưng vẫn đưa vào danh sách theo danh mục 10 nhóm bệnh lý miễn làm NVQS theo Thông tư 16: (thành phố Quy Nhơn, huyện Tây Sơn, huyện Hoài Nhơn, huyện Vĩnh Thạnh).

- Công tác sơ tuyển sức khỏe NVQS một số địa phương chú trọng chưa đúng mức hoặc có thực hiện nhưng còn qua loa, đại khái nên hiệu quả chưa thiết thực.

- Việc phối hợp giữa cơ quan quân sự và công an cấp huyện trong tuyển chọn gọi, công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia CAND chưa đồng bộ và một số ủy viên Hội đồng NVQS xã, phường, thị trấn chưa tích cực, chưa thực hiện đúng nhiệm vụ được phân công, còn dựa vào cơ quan quân sự là chính, do vậy quá trình tham mưu đề xuất và tổ chức thực hiện hiệu quả chưa cao.

- Tỷ lệ thanh niên vi phạm Luật Nghĩa vụ quân sự còn nhiều như trốn khám chiếm 5,4% so với tổng thanh niên có lệnh gọi khám sức khỏe (trong đó địa phương trốn khám sức khỏe nhiều nhất là huyện Phù Mỹ, huyện Phù Cát). Việc chỉ đạo xử lý các trường hợp thanh niên vi phạm Luật Nghĩa vụ quân sự theo Nghị định 120 của Chính phủ chưa kịp thời kiên quyết đó là huyện Phù Cát, huyện Phù Mỹ (còn tồn đọng chiếm 21,2% chưa xử lý xong).

### **5. Nguyên nhân**

#### a) Nguyên nhân ưu điểm

- Hội đồng NVQS tỉnh đã làm tốt chức năng tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện đúng quy trình các bước tuyển quân; quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Bộ Quốc Phòng, Bộ Công an, Quân khu.

- Các địa phương đã vận hành tốt cơ chế “Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, mật trận giám sát, các ban ngành, đoàn thể làm tham mưu, cơ quan quân sự làm trung tâm hiệp đồng”.

- Phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác tuyển quân; thực hiện tốt việc “3 cử, 4 công khai” dân chủ, công bằng xã hội.

- HĐNVQS các huyện, thị xã, thành phố đã phối hợp chặt chẽ với các đơn vị nhận quân; tổ chức triển khai thực hiện hiệp đồng tuyển chọn và chốt quân số đúng kế hoạch, tạo được sự thống nhất cao.

- Hội đồng khám sức khỏe NVQS các huyện, thị xã, thành phố đã làm tốt công tác khám, kiểm tra lại sức khỏe trước khi giao quân nên không có trường hợp nào loại trả vì lý do sức khỏe.

b) Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền, Hội đồng NVQS các cấp của một số địa phương có lúc chưa thường xuyên liên tục; chưa sát với tình hình thực tế của địa phương, công tác tuyên truyền, giáo dục có mặt còn hạn chế; xử lý công dân vi phạm Luật Nghĩa vụ quân sự chưa triệt để, tình trạng trốn khám, trốn lệnh gọi nhập ngũ vẫn còn xảy ra ở một số địa phương.

- Việc quán triệt triển khai thực hiện các bước trong quy trình tuyển quân có địa phương chưa thật sự chủ động, còn lúng túng; đặc biệt là vai trò làm tham mưu của một số Ban CHQS, Công an cấp huyện, cấp xã. Vai trò trách nhiệm của một số thành viên Hội đồng NVQS cấp huyện, xã có mặt chưa tích cực, chưa bám nắm địa bàn được phân công, chỉ đạo giải quyết một số vụ việc chưa kịp thời.

## **6. Một số kinh nghiệm**

a) Cấp ủy Đảng, chính quyền và Hội đồng NVQS từng cấp đã kịp thời quán triệt sâu sắc chủ trương, yêu cầu nhiệm vụ xây dựng quân đội nói chung và nhiệm vụ, chỉ tiêu tuyển quân của địa phương trong tình hình hiện nay nói riêng. Đề ra nghị quyết lãnh đạo, xây dựng kế hoạch cụ thể, tổ chức thực hiện chặt chẽ và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, chú trọng bám sát cơ sở nắm chắc tình hình và giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện.

b) Chú trọng công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật, tinh thần yêu nước sâu sắc cho nhân dân, đặc biệt là thanh niên trong độ tuổi SSNN bằng nhiều nội dung thiết thực, hình thức phong phú đa dạng, để nâng cao ý thức, trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; đồng thời phải xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật đối với các đối tượng vi phạm Luật Nghĩa vụ quân sự, thực hiện tốt việc “3 cử, 4 công khai” dân chủ công bằng xã hội, tạo sự đồng thuận trong nhân dân.

c) Hội đồng NVQS các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo Hội đồng khám sức khỏe NVQS đã làm tốt công tác khám, kiểm tra lại sức khỏe trước khi giao quân.

d) Tăng cường phối hợp đồng bộ của cả hệ thống chính trị ở các cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ tuyển quân ở địa phương; coi đây là trách nhiệm chung

của cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận, các cơ quan, ban, ngành, hội, đoàn thể các cấp; nhất là cấp thôn, khu phố, bản, làng.

đ) Cơ quan quân sự, cơ quan công an các cấp phát huy trách nhiệm, vai trò làm tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương; đồng thời chủ động phối hợp với các ban, ngành, hội, đoàn thể, cơ quan liên quan, tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, đúng quy trình, quy định của pháp luật; quản lý và nắm chắc tình hình biến động thanh niên của địa phương; đồng thời, hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị nhận quân, trong suốt quá trình tổ chức nghiên cứu hồ sơ, chốt quân số và tổ chức giao, nhận quân đến khi quân nhân hoàn thành NVQS, nghĩa vụ tham gia CAND tại ngũ.

e) Thường xuyên quan tâm động viên, thăm hỏi và giúp đỡ gia đình có con em nhập ngũ, giải quyết tốt các chính sách hậu phương quân đội, chính sách đối với gia đình quân nhân tại ngũ, quân nhân xuất ngũ ổn định cuộc sống.

## **Phần thứ hai**

### **PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TUYỂN QUÂN NĂM 2018**

#### **1. Phương hướng**

a) Địa phương tiếp tục thực hiện tròn khâu, tuyển người nào, chắc người đó, không có loại trả. Do vậy, các địa phương phải tổ chức quán triệt sâu sắc chủ trương, nhiệm vụ, chỉ tiêu tuyển quân và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện quy trình các bước tuyển quân chặt chẽ, đúng luật, với mục tiêu “Đủ số lượng, nâng cao chất lượng, đúng qui định, an toàn tiết kiệm để xây dựng Lực lượng thường trực, Lực lượng dự bị động viên của quân đội và góp phần xây dựng cơ sở chính trị ở địa phương vững mạnh; đặc biệt là các địa phương vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, địa bàn trọng điểm”.

b) Cấp ủy đảng, chính quyền các địa phương các cấp tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ công tác tuyển quân năm 2018, chú trọng nâng cao chất lượng, đặc biệt chú trọng về: trình độ học vấn, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chất lượng tổng hợp như: sức khỏe, phẩm chất đạo đức, quan hệ xã hội; ưu tiên tuyển chọn số thanh niên: có sức khỏe loại 1, loại 2; đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung cấp, đào tạo nghề, công chức, viên chức và thực hiện tốt tiêu chí “Ba trong Một” đối với một thanh niên nhập ngũ, tuyển người nào chắc người đó, bảo đảm giao quân đạt 100% chỉ tiêu.

#### **2. Một số nhiệm vụ cụ thể**

a) Bộ CHQS tỉnh (cơ quan Thường trực của Hội đồng NVQS tỉnh) làm trung tâm hiệp đồng với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh, Hội đồng NVQS tỉnh hướng dẫn thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự; hướng dẫn các địa phương thực hiện đầy đủ quy trình tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ, Quân khu. Kiểm tra quy trình làm tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong công tác tuyển quân của cơ quan quân sự các cấp; hướng dẫn thực hiện đến cán bộ trực tiếp làm công tác tuyển quân; tích cực kiểm tra chấn chỉnh, khắc phục kịp thời những hạn chế yếu kém trong tổ

chức thực hiện công tác tuyển quân ở các cấp. Có kế hoạch kiểm tra định kỳ, đột xuất việc thực hiện các bước chuẩn bị gọi công dân nhập ngũ của các huyện, thị xã, thành phố. Theo dõi, nắm chắc tình hình, tổng hợp báo cáo kịp thời những khó khăn vướng mắc của các địa phương để UBND tỉnh chỉ đạo.

b) Công an tỉnh (cơ quan Thành viên Hội đồng NVQS tỉnh) phối hợp chặt chẽ với Bộ CHQS tỉnh trong suốt quá trình tuyển quân; chỉ đạo Công an các cấp phối hợp chặt chẽ, đồng bộ với Ban CHQS cùng cấp hướng dẫn các địa phương thực hiện đầy đủ quy trình tuyển chọn, gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia CAND theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Công an nhân dân và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên. Tăng cường rà soát, thẩm tra, xác minh chặt chẽ lai lịch, nắm chắc lai lịch chính trị, đạo đức của từng thanh niên trước khi nhập ngũ, tuyệt đối không để lọt các trường hợp vi phạm tiêu chuẩn chính trị, đạo đức, vi phạm pháp luật, nhập ngũ vào Quân đội và CAND. Phối hợp với cơ quan chức năng xử lý nghiêm các trường hợp trốn, tránh, lánh né thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Công an nhân dân.

c) Sở Y tế (cơ quan Thành viên Hội đồng NVQS tỉnh) hướng dẫn, kiện toàn Hội đồng khám sức khỏe NVQS, các địa phương phải bổ sung đủ thành phần, đủ khả năng chuyên môn nghiệp vụ và trang thiết bị, để thực hiện tốt nhiệm vụ theo quy định. Tổ chức tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho các Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng KSK; đồng thời, chỉ đạo Phòng Y tế, Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn, triển khai có hiệu quả việc sơ tuyển sức khỏe cho thanh niên. Tổ chức khám sức khỏe NVQS chặt chẽ, kết luận chính xác, kiểm tra lại sức khỏe cho thanh niên có lệnh gọi nhập ngũ trước giao quân cho các đơn vị, tuyệt đối không để lọt những trường hợp không đủ tiêu chuẩn sức khỏe nhập ngũ vào Quân đội và CAND. Phối hợp với Bộ CHQS tỉnh thành lập đoàn kiểm tra, tiến hành kiểm tra giám sát công tác khám sức khỏe NVQS của các huyện, thị xã, thành phố.

d) Sở Giáo dục và Đào tạo (cơ quan Thành viên Hội đồng NVQS tỉnh) chỉ đạo các trường THPT, trung cấp, đào tạo nghề của tỉnh báo cáo danh sách nam học sinh, sinh viên trong độ tuổi thực hiện NVQS đang học tại trường cho Ban CHQS các huyện, thị xã, thành phố để hướng dẫn các xã, phường, thị trấn xét duyệt miễn, hoãn chính xác.

đ) Các sở, ban, ngành (cơ quan Thành viên Hội đồng NVQS tỉnh) căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của ngành, chỉ đạo ngành nghiệp vụ các huyện, thị xã, thành phố làm tốt công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, đặc biệt tập trung hướng dẫn công tác tuyên truyền, giáo dục vận động gia đình và thanh niên trong độ tuổi SSNN biết được quyền lợi và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, chấp hành nghiêm Luật Nghĩa vụ quân sự; tổ chức thăm hỏi động viên đến từng gia đình, thanh niên chuẩn bị nhập ngũ và thực hiện tốt công tác chính sách đối với gia đình có con em nhập ngũ; đồng thời xem xét, đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân liên quan đến công tác tuyển quân đúng quy định của pháp luật.

e) Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh thông báo danh sách nam sinh viên đang học tập tại trường, buộc thôi học, tự bỏ học, đã tốt

nghiệp ra trường.... cho Ban CHQS các huyện, thị xã, thành phố nơi sinh viên, học viên cư trú để các địa phương xét duyệt chính trị, chính sách đối với công dân nam trong độ tuổi gọi nhập ngũ đúng theo quy định.

g) Báo Bình Định, Đài PT và TH tỉnh xây dựng chương trình, tăng thời lượng phát sóng, thời gian phát thanh về công tác tuyển quân và ngày hội tòng quân của tuổi trẻ bảo vệ Tổ quốc. Tuyên truyền hình ảnh, bài viết về đơn vị nhận quân để tăng niềm tin yêu của các địa phương, gia đình và thanh niên nhập ngũ đối với đơn vị Quân đội, Công an.

#### h) Các huyện, thị xã, thành phố

- Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp tiếp tục quán triệt sâu sắc chủ trương, nhiệm vụ được giao cho địa phương thực hiện tròn khâu, tuyển người nào, chắc người đó, không có loại trả trong tuyển quân; kịp thời kiện toàn Hội đồng NVQS đủ số lượng, đúng thành phần quy định, giao rõ trách nhiệm cho từng tổ chức, cá nhân trong triển khai thực hiện. Phát huy sức mạnh tổng hợp và đồng bộ của cả hệ thống chính trị, nhất là ở cơ sở; đồng thời, phải gắn trách nhiệm của cá nhân và tổ chức đối với các trường hợp nhập ngũ vào quân đội, công an vi phạm các tiêu chuẩn về chính trị, đạo đức, sức khỏe mà các đơn vị loại trả. Tăng cường thực hiện việc tạo nguồn kết nạp đảng viên để gọi đảng viên nhập ngũ.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục Luật Nghĩa vụ quân sự, pháp luật của Nhà nước sâu rộng trong quần chúng nhân dân, nhất là lực lượng thanh niên trong độ tuổi SSNN; cần kết hợp tốt giữa tuyên truyền, giáo dục thường xuyên với tuyên truyền, giáo dục có trọng tâm, trọng điểm, nhất là trước và trong mỗi giai đoạn tuyển quân, nhân dịp các ngày lễ, hội, các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước và địa phương... nhằm nâng cao nhận thức trách nhiệm và nghĩa vụ của công dân đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Chỉ đạo thành lập Hội đồng khám sức khỏe NVQS bảo đảm đủ thành phần, đủ trang thiết bị theo quy định; tổ chức địa điểm khám sức khỏe phù hợp, phân công rõ trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân tham gia xét duyệt, khám tuyển sức khỏe NVQS, kiểm tra lại sức khỏe thanh niên có lệnh gọi nhập ngũ trước khi giao cho các đơn vị, để đảm bảo chất lượng khám tuyển, kết luận chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện; trong quá trình khám sức khỏe kết hợp lấy cỡ, số quân trang.

- Chỉ đạo cơ quan quân sự, cơ quan công an các cấp tích cực làm tốt chức năng tham mưu cho cấp ủy, chính quyền và Hội đồng NVQS tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể phát huy khả năng, trách nhiệm giúp UBND triển khai thực hiện quy trình các bước tuyển quân chặt chẽ, đúng quy định từ khâu rà soát chốt thực lực, sơ tuyển, xét duyệt, khám sức khỏe, hiệp đồng giao nhận quân, chốt quân số với các đơn vị đến phát lệnh gọi nhập ngũ, bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao. Chủ động phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể kiểm tra, đôn đốc và giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn ở cơ sở.

- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn trực tiếp rà soát nắm chắc thực lực, sơ tuyển, xét duyệt chính trị, chính sách. Báo cáo UBND cấp huyện quyết

định gọi công dân nhập ngũ, tạm hoãn và miễn gọi nhập ngũ. Lập hồ sơ NVQS đối với công dân đủ điều kiện gọi nhập ngũ, nắm và cung cấp kịp thời những vấn đề mới phát sinh của công dân nhập ngũ để cấp huyện và đơn vị nhận quân biết, quản lý. Chịu trách nhiệm về chất lượng, chỉ tiêu giao quân. Tổ chức công khai, bình cử, niêm yết danh sách thanh niên trong từng xóm, tổ dân phố, thôn, khu phố đến các xã, phường, thị trấn để mọi công dân biết và thực hiện tốt việc “3 cử, 4 công khai”, đảm bảo dân chủ, công khai, công bằng trong thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự ở địa phương.

- Tổ chức hiệp đồng chặt chẽ với đơn vị nhận quân, thống nhất về tiêu chuẩn tuyển chọn, chỉ tiêu và địa bàn giao quân, thời gian nghiên cứu hồ sơ, chốt quân số để phát lệnh gọi nhập ngũ, phương pháp giao nhận quân giữa địa phương và đơn vị. Tổ chức lễ giao, nhận quân đúng theo Quyết định số 2185/QĐ-TM ngày 21/11/2012 của Bộ Tổng Tham mưu và Hướng dẫn Quân khu, của BCHQS tỉnh, Công an tỉnh về việc tổ chức Lễ giao, nhận quân; chú trọng duy trì tốt trật tự, bảo đảm giao quân nhanh, gọn, an toàn và tiết kiệm.

- Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội; tổ chức đón tiếp chu đáo quân nhân xuất ngũ trở về địa phương, quan tâm tạo điều kiện giải quyết việc làm; đồng thời, tập trung chỉ đạo xử lý kiên quyết công dân vi phạm Luật Nghĩa vụ quân sự, quân nhân đào ngũ theo đúng quy định của pháp luật, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, vững chắc trong phong trào tuyển quân đều khắp ở các địa phương, để từng địa phương từ các xã, phường, thị trấn đến các huyện, thị xã, thành phố hoàn thành chỉ tiêu giao quân năm 2018 và những năm tiếp theo.

### **Phần thứ ba**

## **NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

### **1. Đối với Chính phủ**

- Đề nghị ban hành Quyết định giao chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân hàng năm cùng một quyết định, để địa phương chủ động trong tổ chức triển khai thực hiện.

- Đề nghị điều chỉnh thời hạn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân là 24 tháng, để thống nhất với Luật Nghĩa vụ quân sự.

### **2. Bộ Quốc phòng và Bộ Tài chính**

Đề nghị sớm ban hành thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ chính sách cho công dân trong thời gian thực hiện đăng ký, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự, nguồn ngân sách chi trả theo Nghị định 13/2016/NĐ-CP ngày 19/12/2016.

### **3. Đối với Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an**

Đề nghị thống nhất tiêu chuẩn sức khỏe, phiếu khám sức khỏe thực hiện NVQS và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân vì hiện nay Hội đồng khám sức khỏe NVQS địa phương cùng một lúc thực hiện hai thông tư về khám sức khỏe; trong đó tiêu chuẩn, mẫu biểu khác nhau nên khó khăn trong quá trình khám, phân loại sức khỏe cho từng đối tượng.

#### 4. Đối với Quân khu

Đề nghị điều chỉnh, bổ sung đồng chí thôn trưởng, khu vực trưởng vào Hội đồng NVQS cấp xã thay cho đồng chí bí thư chi bộ vì đồng chí thôn trưởng, khu vực trưởng là những người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ tuyển quân ở từng thôn, khu vực để phát huy vai trò làm tham mưu và tổ chức thực hiện ở cấp thôn./. *An/Hb*

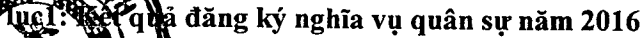
##### **Nơi nhận:**

- Bộ Tư lệnh QK5 (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên HĐNVQS tỉnh;
- Bộ CHQS tỉnh;
- Các trường ĐH, CĐ, THCN và DN;
- UBND các huyện, TX, TP;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K11. *me*

**CHỦ TỊCH**



**Hồ Quốc Dũng**



Trang văn bản chỉ đạo, điều hành: [vbdh.ubndbinhdinh.vn](http://vbdh.ubndbinhdinh.vn)

**Phụ lục 2: Kết quả chốt thực lực, xét duyệt chính trị, chính sách**

| Địa phương       | Chốt thực lực thanh niên trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ |                    |                           | Kết quả xét duyệt chính trị, chính sách |                               |                       |                                      |
|------------------|----------------------------------------------------------|--------------------|---------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------|-----------------------|--------------------------------------|
|                  | Dân số                                                   | Tổng số thanh niên | Đạt tỉ lệ % so với dân số | Tổng số xét duyệt                       | Miễn, hoãn, chưa gọi nhập ngũ | Đủ điều kiện gọi khám | Đạt tỉ lệ % so với tổng số xét duyệt |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>1.574.539</b>                                         | <b>82.891</b>      | <b>5.0</b>                | <b>80.220</b>                           | <b>59.864</b>                 | <b>20.536</b>         | <b>25.6</b>                          |
| Hoài Nhơn        | 208.895                                                  | 12.078             | 5.74                      | 11.932                                  | 8.100                         | 3.832                 | 32.1                                 |
| Hoài Ân          | 102.251                                                  | 4.931              | 6                         | 4.726                                   | 3.506                         | 1.220                 | 2.6                                  |
| Phù Mỹ           | 190.752                                                  | 11.848             | 6.17                      | 11.638                                  | 4.680                         | 2.306                 | 19.8                                 |
| Phù Cát          | 190.012                                                  | 10.023             | 5.21                      | 9.787                                   | 7.940                         | 1.869                 | 19.1                                 |
| An Nhơn          | 185.249                                                  | 8.746              | 4.6                       | 8.561                                   | 6.220                         | 2.361                 | 27.5                                 |
| Tây Sơn          | 123.485                                                  | 6.609              | 5.4                       | 6.404                                   | 4.778                         | 1.626                 | 25.4                                 |
| Tuy Phước        | 203.238                                                  | 11.341             | 5.5                       | 11.041                                  | 7.912                         | 3.049                 | 27.6                                 |
| Quy Nhơn         | 287.271                                                  | 13.121             | 4.6                       | 11.990                                  | 8.852                         | 3.166                 | 26.4                                 |
| Vân Canh         | 29.219                                                   | 1.244              | 4.3                       | 1.231                                   | 1.007                         | 224                   | 18.2                                 |
| Vĩnh Thạnh       | 28.426                                                   | 1.532              | 5.34                      | 1.527                                   | 1.110                         | 417                   | 27.3                                 |
| An Lão           | 25.741                                                   | 1.418              | 11.6                      | 1.383                                   | 1.097                         | 286                   | 20.7                                 |

**Phụ lục 3: Kết quả khám sức khỏe gọi công dân nhập ngũ**

| Địa phương       | Chỉ tiêu     | Phát lệnh     | Lên khám      | Đạt tỉ lệ % | Đạt sức khỏe |              |              |              |             |
|------------------|--------------|---------------|---------------|-------------|--------------|--------------|--------------|--------------|-------------|
|                  |              |               |               |             | L1           | L2           | L3           | +            | %           |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>2.751</b> | <b>14.915</b> | <b>14.144</b> | <b>94,2</b> | <b>276</b>   | <b>1.456</b> | <b>2.514</b> | <b>4.246</b> | <b>30.1</b> |
| Hoài Nhơn        | 380          | 1.643         | 1.590         | 96,7        | 38           | 128          | 336          | 502          | 31.6        |
| Hoài Ân          | 181          | 1.029         | 977           | 94,9        | 43           | 112          | 125          | 280          | 28.7        |
| Phù Mỹ           | 356          | 1.830         | 1.665         | 90,5        | 17           | 187          | 264          | 468          | 28.1        |
| Phù Cát          | 351          | 1.751         | 1.498         | 85,0        | 30           | 184          | 223          | 437          | 29.2        |
| An Nhơn          | 320          | 2.109         | 2.045         | 97,0        | 14           | 115          | 338          | 467          | 22.8        |
| Tây Sơn          | 230          | 1.449         | 1.441         | 98,8        | 8            | 92           | 290          | 390          | 27.1        |
| Tuy Phước        | 345          | 2.207         | 2.105         | 94,9        | 20           | 175          | 438          | 633          | 30.1        |
| Quy Nhơn         | 397          | 2.072         | 2.006         | 96,2        | 84           | 336          | 365          | 785          | 39.2        |
| Vân Canh         | 60           | 227           | 227           | 100         | 13           | 40           | 46           | 99           | 45.2        |
| Vĩnh Thạnh       | 71           | 312           | 307           | 98,4        | 6            | 41           | 56           | 103          | 33.6        |
| An Lão           | 60           | 286           | 283           | 99,0        | 3            | 46           | 33           | 82           | 33.2        |

**Phụ lục 4: Kết quả phát lệnh gọi công dân nhập ngũ và công dân thực hiện nghĩa vụ quân sự gia công an nhân dân**

| Địa phương       | Phát lệnh    |              |              |            |             | Nhận lệnh    |              |            |                |
|------------------|--------------|--------------|--------------|------------|-------------|--------------|--------------|------------|----------------|
|                  | Chi tiêu     | +            | Chính thức   | Dự phòng   |             | +            | Trực tiếp    | Gián tiếp  | Chưa giao lệnh |
|                  |              |              |              | +          | Tỷ lệ %     |              |              |            |                |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>2.751</b> | <b>3.054</b> | <b>2.751</b> | <b>303</b> | <b>11.0</b> | <b>3.054</b> | <b>2.191</b> | <b>863</b> |                |
| Quy Nhơn         | 397          | 430          | 397          | 33         | 8.6         | 430          | 380          | 50         |                |
| Tuy Phước        | 345          | 397          | 345          | 52         | 15.1        | 397          | 320          | 77         |                |
| An Nhơn          | 320          | 338          | 320          | 18         | 5.6         | 338          | 200          | 138        |                |
| Phù Cát          | 351          | 407          | 351          | 56         | 16.0        | 407          | 200          | 207        |                |
| Phù Mỹ           | 356          | 441          | 356          | 85         | 23.8        | 441          | 256          | 185        |                |
| Hoài Nhơn        | 380          | 390          | 380          | 10         | 2.6         | 390          | 299          | 91         |                |
| Tây Sơn          | 230          | 238          | 230          | 08         | 3,5         | 238          | 200          | 38         |                |
| Hoài Ân          | 181          | 201          | 181          | 20         | 11.1        | 201          | 150          | 51         |                |
| Vân Canh         | 60           | 66           | 60           | 06         | 10.0        | 66           | 60           | 06         |                |
| Vĩnh Thạnh       | 71           | 81           | 71           | 10         | 14.0        | 81           | 71           | 10         |                |
| An Lão           | 60           | 65           | 60           | 05         | 7.6         | 65           | 55           | 10         |                |

**Phụ lục 5: Kết quả xử lý vi phạm Luật Nghĩa vụ quân sự**

| Địa phương       | Tổng cộng  | Trốn khám sức khỏe Nghĩa vụ quân sự |            |            |                        |                    | Trốn lệnh nhập ngũ |           |            |                        |                  |
|------------------|------------|-------------------------------------|------------|------------|------------------------|--------------------|--------------------|-----------|------------|------------------------|------------------|
|                  |            | +                                   | Đã xử lý   | Chưa xử lý | Hình thức xử lý        | Số tiền            | +                  | Đã xử lý  | Chưa xử lý | Hình thức xử lý        | Số tiền          |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>836</b> | <b>818</b>                          | <b>652</b> | <b>166</b> | <b>Phạt hành chính</b> | <b>818.000.000</b> | <b>18</b>          | <b>06</b> | <b>12</b>  | <b>Phạt hành chính</b> | <b>12.000.00</b> |
| Quy Nhơn         | 76         | 76                                  | 76         |            | "                      | 76.000.000         |                    |           |            |                        |                  |
| Tuy Phước        | 112        | 112                                 | 112        |            | "                      | 120.000.000        |                    |           |            |                        |                  |
| An Nhơn          | 64         | 64                                  | 64         |            | "                      | 64.000.000         |                    |           |            |                        |                  |
| Phù Cát          | 281        | 263                                 | 138        | 125        | "                      | 125.000.000        | 18                 | 06        | 12         |                        | 12.000.00        |
| Phù Mỹ           | 175        | 175                                 | 137        | 38         | "                      | 137.000.000        |                    |           |            |                        |                  |
| Hoài Nhơn        | 55         | 55                                  | 55         |            | "                      | 55.000.000         |                    |           |            |                        |                  |
| Tây Sơn          | 18         | 18                                  | 18         |            | "                      | 18.000.000         |                    |           |            |                        |                  |
| Hoài Ân          | 47         | 47                                  | 47         |            | "                      | 47.000.000         |                    |           |            |                        |                  |
| Vân Canh         |            |                                     |            |            |                        |                    |                    |           |            |                        |                  |
| Vĩnh Thạnh       | 05         | 05                                  | 02         | 03         | "                      | 2.000.000          |                    |           |            |                        |                  |
| An Lão           | 03         | 03                                  | 03         |            | "                      | 3.000.000          |                    |           |            |                        |                  |

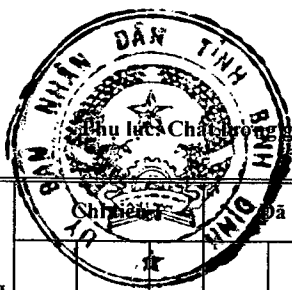




**Báo cáo số lượng các địa phương giao quân cho các đơn vị Quân đội**

| Địa phương<br>giao quân |  Đã nhận |                       |                       |                       |                       |                       | Tuổi đời              |     |       |     |     |     |     |     |    |    |    | Trình độ giáo dục phổ thông |       |               |       |               |          |          |          |          |       |               | Trình độ chuyên môn |           |                       |        |           |          |         |           |
|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----|-------|-----|-----|-----|-----|-----|----|----|----|-----------------------------|-------|---------------|-------|---------------|----------|----------|----------|----------|-------|---------------|---------------------|-----------|-----------------------|--------|-----------|----------|---------|-----------|
|                         | (+)<br>Bộ<br>Quân khu                                                                     | (+)<br>Bộ<br>Quân khu | (+)<br>Bộ<br>Quân khu | (+)<br>Bộ<br>Quân khu | (+)<br>Bộ<br>Quân khu | (+)<br>Bộ<br>Quân khu | (+)<br>Bộ<br>Quân khu | 18  | 19    | 20  | 21  | 22  | 23  | 24  | 25 | 26 | 27 | (+)<br>Bộ<br>Quân khu       | Cấp 1 |               | Cấp 2 |               |          |          |          | Cấp 3    |       |               |                     |           | (+)<br>Bộ<br>Quân khu | Sơ cấp | Trung cấp | Cao đẳng | Đại học |           |
|                         |                                                                                           |                       |                       |                       |                       |                       |                       |     |       |     |     |     |     |     |    |    |    |                             | +     | Ti<br>lệ<br>% | +     | Ti<br>lệ<br>% | Lớp<br>6 | Lớp<br>7 | Lớp<br>8 | Lớp<br>9 | +     | Ti<br>lệ<br>% | Lớp<br>10           | Lớp<br>11 |                       |        |           |          |         | Lớp<br>12 |
| Tổng cộng               | 2.501                                                                                     | 1.341                 | 1.160                 | 2.501                 | 1.341                 | 1.160                 | 2.501                 | 123 | 1.009 | 434 | 267 | 273 | 223 | 124 | 46 | 1  | 1  | 2.501                       |       |               | 812   | 32,47         | 6        | 15       | 235      | 556      | 1.689 | 67,53         | 324                 | 248       | 1.117                 | 388    | 1         | 72       | 243     | 72        |
| Hoài Nhơn               | 335                                                                                       | 320                   | 15                    | 335                   | 320                   | 15                    | 335                   | 18  | 124   | 52  | 33  | 50  | 38  | 15  | 5  |    |    | 335                         |       |               | 65    | 19,40         |          |          | 26       | 39       | 270   | 80,60         | 41                  | 55        | 174                   | 89     | 18        | 53       | 18      |           |
| Hoài Ân                 | 160                                                                                       | 92                    | 68                    | 160                   | 92                    | 68                    | 160                   | 2   | 77    | 28  | 20  | 15  | 12  | 4   | 2  |    |    | 160                         |       |               | 50    | 31,25         |          | 1        | 19       | 30       | 110   | 68,75         | 20                  | 7         | 83                    | 4      | 1         | 1        | 2       |           |
| Phù Mỹ                  | 330                                                                                       | 120                   | 210                   | 330                   | 120                   | 210                   | 330                   | 12  | 135   | 69  | 34  | 34  | 25  | 20  | 1  |    |    | 330                         |       |               | 97    | 29,39         |          |          | 37       | 60       | 233   | 70,61         | 47                  | 23        | 163                   | 38     | 1         | 10       | 25      | 2         |
| Phù Cát                 | 325                                                                                       | 242                   | 83                    | 325                   | 242                   | 83                    | 325                   | 11  | 153   | 40  | 30  | 29  | 31  | 23  | 8  |    |    | 325                         |       |               | 114   | 35,08         |          | 8        | 25       | 81       | 211   | 64,92         | 36                  | 27        | 148                   | 55     | 7         | 39       | 9       |           |
| An Nhơn                 | 310                                                                                       | 117                   | 193                   | 310                   | 117                   | 193                   | 310                   | 18  | 75    | 61  | 41  | 43  | 30  | 27  | 15 |    |    | 310                         |       |               | 127   | 40,97         |          |          | 21       | 106      | 183   | 59,03         | 30                  | 26        | 127                   | 49     | 11        | 31       | 7       |           |
| Tây Sơn                 | 210                                                                                       | 5                     | 205                   | 210                   | 5                     | 205                   | 210                   | 5   | 95    | 41  | 20  | 13  | 17  | 14  | 5  |    |    | 210                         |       |               | 86    | 40,95         |          |          | 34       | 52       | 124   | 59,05         | 31                  | 21        | 72                    | 31     | 9         | 19       | 3       |           |
| Tuy Phước               | 320                                                                                       | 116                   | 204                   | 320                   | 116                   | 204                   | 320                   | 20  | 135   | 46  | 27  | 41  | 33  | 10  | 8  |    |    | 320                         |       |               | 133   | 41,56         |          |          | 41       | 92       | 187   | 58,44         | 54                  | 54        | 79                    | 67     | 11        | 45       | 11      |           |
| Quy Nhơn                | 361                                                                                       | 284                   | 77                    | 361                   | 284                   | 77                    | 361                   | 35  | 152   | 61  | 41  | 38  | 24  | 7   | 2  | 1  |    | 361                         |       |               | 100   | 27,70         |          | 4        | 22       | 74       | 261   | 72,30         | 32                  | 24        | 205                   | 48     | 4         | 28       | 16      |           |
| Vân Canh                | 50                                                                                        |                       | 50                    | 50                    |                       | 50                    | 50                    | 2   | 18    | 14  | 5   | 3   | 6   | 2   |    |    |    | 50                          |       |               | 5     | 10,00         |          |          | 1        | 4        | 45    | 90,00         | 15                  | 4         | 26                    | 2      |           |          | 2       |           |
| Vĩnh Thạnh              | 50                                                                                        | 45                    | 5                     | 50                    | 45                    | 5                     | 50                    |     | 25    | 7   | 8   | 5   | 3   | 2   |    |    |    | 50                          |       |               | 9     | 18,00         |          |          | 2        | 7        | 41    | 82,00         | 14                  | 4         | 23                    | 4      | 1         | 2        | 1       |           |
| An Lão                  | 50                                                                                        |                       | 50                    | 50                    |                       | 50                    | 50                    |     | 20    | 15  | 8   | 2   | 4   |     |    | 1  |    | 50                          |       |               | 26    | 52,00         | 6        | 2        | 7        | 11       | 24    | 48,00         | 4                   | 3         | 17                    | 1      |           |          | 1       |           |
|                         |                                                                                           |                       |                       |                       |                       |                       |                       |     |       |     |     |     |     |     |    |    |    |                             |       |               |       |               |          |          |          |          |       |               |                     |           |                       |        |           |          |         |           |

| Địa phương<br>giao quân | Đảng viên<br>Đoàn viên |         |           |         | Sức khỏe |        |        |        | Tôn giáo |                 |           | Nghề<br>nghiệp GD-<br>Bản thân     |       |      | Dân tộc |      |      |          |                    | Vợ con  |        | Gia đình         |   |       | Số con trong gia đình |       |     |            |     | Cán bộ, CNVC |               |     |   | Con Cán bộ |          |           |        | Con SQ,<br>QNCN,<br>CN&VCQP |         |             |    |  |  |  |
|-------------------------|------------------------|---------|-----------|---------|----------|--------|--------|--------|----------|-----------------|-----------|------------------------------------|-------|------|---------|------|------|----------|--------------------|---------|--------|------------------|---|-------|-----------------------|-------|-----|------------|-----|--------------|---------------|-----|---|------------|----------|-----------|--------|-----------------------------|---------|-------------|----|--|--|--|
|                         | Đảng viên              | Tỉ lệ % | Đoàn viên | Tỉ lệ % | (+)      | Loại 1 | Loại 2 | Loại 3 | (+)      | Thiên chúa giáo | Phật giáo | Cán bộ công chức<br>N. dân tập thể | +     | Kinh | Hrê     | Bana | Chăm | Đã có vợ | Trong đó đã có con | Mất cha | Mất mẹ | Mất cả cha và mẹ | + | 1     | 2                     | 3     | 4   | 05 trở lên | +   | Tỉ lệ %      | Công chức, VC | CNV | + | Tỉ lệ %    | Cấp tỉnh | Cấp huyện | Cấp xã | +                           | Tỉ lệ % | SQ Quân đội |    |  |  |  |
| Tổng cộng               | 55                     | 2,2     | 2.410     | 96,4    | 2.501    | 167    | 886    | 1.448  | 15       | 13              | 2         | 2                                  | 2.499 | #### | 2.407   | 35   | 41   | 18       | 2                  | 2       | 56     | 19               |   | 2.501 | 62                    | 1.148 | 715 | 381        | 195 | 2            | 0,08          | 2   |   | 17         | 0,68     |           | 11     | 6                           | 13      | 0,52        | 13 |  |  |  |
| Hoài Nhơn               | 3                      | 0,9     | 332       | 99,1    | 335      | 32     | 104    | 199    |          |                 |           |                                    | 335   | 335  | 335     |      |      |          |                    |         |        |                  |   | 335   | 11                    | 207   | 96  | 21         |     |              |               |     |   |            |          |           |        |                             |         |             |    |  |  |  |
| Hoài Ân                 | 3                      | 1,9     | 157       | 98,1    | 160      | 28     | 62     | 70     |          |                 |           |                                    | 160   | 160  | 151     | 1    | 8    |          |                    | 6       | 5      |                  |   | 160   |                       | 41    | 51  | 42         | 26  |              |               |     | 2 | 1,25       |          |           | 2      |                             |         |             |    |  |  |  |
| Phù Mỹ                  | 9                      | 2,7     | 321       | 97,3    | 330      | 11     | 130    | 189    |          |                 |           |                                    | 330   | 330  | 330     |      |      |          |                    | 10      | 5      |                  |   | 330   | 6                     | 91    | 102 | 70         | 61  |              |               |     |   |            |          |           |        |                             |         |             |    |  |  |  |
| Phù Cát                 | 12                     | 3,7     | 313       | 96,3    | 325      | 20     | 146    | 159    |          |                 |           |                                    | 325   | 325  | 324     |      | 1    |          |                    | 16      | 4      |                  |   | 325   | 5                     | 74    | 107 | 71         | 68  |              |               |     |   |            |          |           |        |                             |         |             |    |  |  |  |
| An Nhơn                 | 10                     | 3,2     | 300       | 96,8    | 310      | 9      | 67     | 234    | 3        | 3               |           |                                    | 310   | 310  | 310     |      |      |          |                    |         |        |                  |   | 310   | 15                    | 223   | 46  | 26         |     |              |               |     | 2 | 0,65       |          |           | 2      | 1                           | 0,32    | 1           |    |  |  |  |
| Tây Sơn                 | 7                      | 3,3     | 203       | 96,7    | 210      | 5      | 42     | 163    | 4        | 4               |           |                                    | 210   | 210  | 208     |      | 2    |          |                    |         |        |                  |   | 210   | 4                     | 93    | 95  | 18         |     |              |               |     | 2 | 0,95       |          |           | 2      |                             |         |             |    |  |  |  |
| Tuy Phước               | 2                      | 0,6     | 318       | 99,4    | 320      | 19     | 112    | 189    |          |                 |           |                                    | 320   | 320  | 320     |      |      |          |                    | 6       | 3      |                  |   | 320   | 7                     | 178   | 76  | 42         | 17  |              |               |     |   |            |          |           |        |                             |         |             |    |  |  |  |
| Quy Nhơn                | 6                      | 1,7     | 355       | 98,6    | 361      | 35     | 145    | 181    | 8        | 6               | 2         | 2                                  | 359   | 361  | 361     |      |      |          |                    | 10      |        |                  |   | 361   | 10                    | 188   | 91  | 67         | 5   | 2            | 0,56          | 2   |   | 11         | 3,06     | 1         | 11     |                             | 12      | 3,33        | 12 |  |  |  |
| Vân Canh                | 1                      | 2,0     | 49        | 98,0    | 50       | 3      | 25     | 22     |          |                 |           |                                    | 50    | 50   | 23      |      | 9    | 18       | 1                  | 1       | 4      | 1                |   | 50    | 2                     | 18    | 13  | 9          | 8   |              |               |     |   |            |          |           |        |                             |         |             |    |  |  |  |
| Vĩnh Thạnh              | 1                      | 2,0     | 49        | 98,0    | 50       | 3      | 26     | 21     |          |                 |           |                                    | 50    | 50   | 32      |      | 18   |          | 1                  | 1       | 2      | 1                |   | 50    | 1                     | 15    | 23  | 7          | 4   |              |               |     |   |            |          |           |        |                             |         |             |    |  |  |  |
| An Lão                  | 1                      | 2,0     | 13        | 26,0    | 50       | 2      | 27     | 21     |          |                 |           |                                    | 50    | 50   | 13      | 34   | 3    |          |                    |         | 2      |                  |   | 50    | 1                     | 20    | 15  | 8          | 6   |              |               |     |   |            |          |           |        |                             |         |             |    |  |  |  |
|                         |                        |         |           |         |          |        |        |        |          |                 |           |                                    |       |      |         |      |      |          |                    |         |        |                  |   |       |                       |       |     |            |     |              |               |     |   |            |          |           |        |                             |         |             |    |  |  |  |
|                         |                        |         |           |         |          |        |        |        |          |                 |           |                                    |       |      |         |      |      |          |                    |         |        |                  |   |       |                       |       |     |            |     |              |               |     |   |            |          |           |        |                             |         |             |    |  |  |  |



Phụ lục Chất lượng giáo dục, nhận quân các đơn vị Công an nhân dân năm 2017

| Địa phương<br>giao quân | Đã giao |     |      |     |     |      | Tuổi đời |    |    |    |    |    |    |    |    |    |     | Trình độ giáo dục phổ thông |         |       |       |       |        | Trình độ chuyên môn |           |          |         | Đảng viên Đoàn viên |         |           | Sức khỏe |     |        | Dân tộc |     |      |     |      |      |  |  |
|-------------------------|---------|-----|------|-----|-----|------|----------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|-----|-----------------------------|---------|-------|-------|-------|--------|---------------------|-----------|----------|---------|---------------------|---------|-----------|----------|-----|--------|---------|-----|------|-----|------|------|--|--|
|                         | (+)     | Bộ  | Tỉnh | (+) | Bộ  | Tỉnh | (+)      | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | (+) | Cấp 1                       |         | Cấp 2 |       | Cấp 3 |        | (+)                 | Trung cấp | Cao đẳng | Đại học | Đảng viên           | Tỉ lệ % | Đoàn viên | Tỉ lệ %  | (+) | Loại 1 | Loại 2  | +   | Kinh | Hrê | Bana | Chăm |  |  |
|                         |         |     |      |     |     |      |          |    |    |    |    |    |    |    |    |    |     | +                           | Tỉ lệ % | +     | Lớp 9 | +     | Lớp 12 |                     |           |          |         |                     |         |           |          |     |        |         |     |      |     |      |      |  |  |
| Tổng cộng               | 250     | 120 | 130  | 249 | 119 | 130  | 250      | 93 | 49 | 29 | 25 | 29 | 12 | 9  | 2  | 2  | 250 |                             |         | 7     | 7     | 243   | 243    | 45                  | 7         | 20       | 18      | 13                  | 5,2     | 236       | 94,8     | 249 | 19     | 230     | 249 | 222  | 10  | 15   | 2    |  |  |
| Hoài Nhơn               | 45      | 25  | 20   | 45  | 25  | 20   | 45       | 15 | 7  | 4  | 3  | 9  | 4  | 1  | 1  | 1  | 45  |                             |         | 1     | 1     | 44    | 44     | 10                  | 1         | 1        | 8       | 3                   | 6,7     | 42        | 93,3     | 45  | 5      | 40      | 45  | 45   |     |      |      |  |  |
| Hoài Ân                 | 21      | 11  | 10   | 20  | 10  | 10   | 21       | 9  | 3  | 3  | 1  | 1  | 2  | 2  |    |    | 21  |                             |         |       |       | 21    | 21     | 3                   | 1         | 1        | 1       |                     |         | 20        | 100,0    | 20  | 1      | 19      | 20  | 18   |     | 2    |      |  |  |
| Phù Mỹ                  | 26      | 11  | 15   | 26  | 11  | 15   | 26       | 12 | 4  | 3  | 2  | 4  | 1  |    |    |    | 26  |                             |         |       |       | 26    | 26     | 3                   |           | 2        | 1       | 2                   | 7,7     | 24        | 92,3     | 26  | 1      | 25      | 26  | 26   |     |      |      |  |  |
| Phù Cát                 | 26      | 11  | 15   | 26  | 11  | 15   | 26       | 10 | 6  | 3  | 4  | 1  |    | 1  | 1  |    | 26  |                             |         |       |       | 26    | 26     | 3                   |           | 2        | 1       | 5                   | 19,2    | 21        | 80,8     | 26  |        | 26      | 26  | 26   |     |      |      |  |  |
| An Nhơn                 | 10      | 5   | 5    | 10  | 5   | 5    | 10       | 3  | 1  | 2  | 2  | 2  |    |    |    |    | 10  |                             |         |       |       | 10    | 10     | 5                   | 2         | 2        | 1       |                     |         | 10        | 100,0    | 10  |        | 10      | 10  | 10   |     |      |      |  |  |
| Tây Sơn                 | 20      | 10  | 10   | 20  | 10  | 10   | 20       | 4  | 5  | 3  | 2  | 2  | 2  | 2  |    |    | 20  |                             |         | 2     | 2     | 18    | 18     | 8                   | 2         | 4        | 2       | 1                   | 5,0     | 19        | 95,0     | 20  |        | 20      | 20  | 20   |     |      |      |  |  |
| Tuy Phước               | 25      | 15  | 10   | 25  | 15  | 10   | 25       | 15 | 4  | 2  | 3  | 1  |    |    |    |    | 25  |                             |         | 1     | 1     | 24    | 24     | 2                   |           | 1        | 1       |                     |         | 25        | 100,0    | 25  | 4      | 21      | 25  | 25   |     |      |      |  |  |
| Quy Nhơn                | 36      | 11  | 25   | 36  | 11  | 25   | 36       | 12 | 6  | 5  | 2  | 6  | 1  | 3  |    | 1  | 36  |                             |         |       |       | 36    | 36     | 7                   |           | 5        | 2       | 2                   | 5,6     | 34        | 94,4     | 36  | 6      | 30      | 36  | 36   |     |      |      |  |  |
| Vân Canh                | 10      | 3   | 7    | 10  | 3   | 7    | 10       | 3  | 3  | 1  | 1  | 1  | 1  |    |    |    | 10  |                             |         | 2     | 2     | 8     | 8      | 1                   |           |          | 1       |                     |         | 10        | 100,0    | 10  |        | 10      | 10  | 3    | 1   | 4    | 2    |  |  |
| Vĩnh Thạnh              | 21      | 15  | 6    | 21  | 15  | 6    | 21       | 4  | 6  | 3  | 5  | 2  | 1  |    |    |    | 21  |                             |         | 1     | 1     | 20    | 20     | 3                   | 1         | 2        |         |                     |         | 21        | 100,0    | 21  |        | 21      | 21  | 12   |     | 9    |      |  |  |
| An Lão                  | 10      | 3   | 7    | 10  | 3   | 7    | 10       | 6  | 4  |    |    |    |    |    |    |    | 10  |                             |         |       |       | 10    | 10     |                     |           |          |         |                     |         | 10        | 100,0    | 10  | 2      | 8       | 10  | 1    | 9   |      |      |  |  |
|                         |         |     |      |     |     |      |          |    |    |    |    |    |    |    |    |    |     |                             |         |       |       |       |        |                     |           |          |         |                     |         |           |          |     |        |         |     |      |     |      |      |  |  |
|                         |         |     |      |     |     |      |          |    |    |    |    |    |    |    |    |    |     |                             |         |       |       |       |        |                     |           |          |         |                     |         |           |          |     |        |         |     |      |     |      |      |  |  |

| ĐỊA PHƯƠNG | Tổng chỉ tiêu Quân đội và Công an | CÁC ĐƠN VỊ NHẬN QUÂN   |          |          |                |                  |                |                 |                        |                        |                        |                    |                     |             |               |               |          |           |           |           |             |           |              |          |           |           |                    |          |               |                             |                            |                                  |
|------------|-----------------------------------|------------------------|----------|----------|----------------|------------------|----------------|-----------------|------------------------|------------------------|------------------------|--------------------|---------------------|-------------|---------------|---------------|----------|-----------|-----------|-----------|-------------|-----------|--------------|----------|-----------|-----------|--------------------|----------|---------------|-----------------------------|----------------------------|----------------------------------|
|            |                                   | QUÂN ĐỘI               |          |          |                |                  |                |                 |                        |                        |                        |                    |                     |             |               |               |          |           |           |           |             |           |              | CÔNG AN  |           |           |                    |          |               |                             |                            |                                  |
|            |                                   | Tổng chỉ tiêu quân đội | Đã nhận  | +        | Đơn vị của Bộ  |                  |                |                 |                        |                        |                        |                    | Đơn vị của Quân khu |             |               |               |          |           |           |           |             |           |              |          |           |           | Tổng chỉ tiêu CAND | Đã nhận  | Đơn vị của Bộ |                             |                            | CA tỉnh                          |
|            |                                   |                        |          |          | Bộ CHBĐBP tỉnh | Sư đoàn BB31/QĐ3 | Lữ T.TG273/QĐ3 | Bộ Tham mưu/QĐ3 | Sư đoàn 375/QC PK - KQ | Sư đoàn 377/QC PK - KQ | BTL Vùng 4/QC Hải quân | Bình chủng Hóa học | +                   | Sư đoàn BB2 | Sư đoàn BB315 | Sư đoàn BB307 | Lữ CB280 | Lữ PB 368 | Lữ PB 572 | Lữ PK 573 | Lữ T.TG 574 | Lữ TT 575 | Bệnh viện 17 | Đoàn 206 | TTBM & MT | eBB739KTT |                    |          | Cảnh sát PCCC | Trung đoàn CSCĐ - E23 - K20 | Trại giam Kim Sơn - TCVIII | Trung tâm HL & BDNV/Công an tỉnh |
|            | Chi tiêu                          | Chi tiêu               | Chi tiêu | Chi tiêu | Chi tiêu       | Chi tiêu         | Chi tiêu       | Chi tiêu        | Chi tiêu               | Chi tiêu               | Chi tiêu               | Chi tiêu           | Chi tiêu            | Chi tiêu    | Chi tiêu      | Chi tiêu      | Chi tiêu | Chi tiêu  | Chi tiêu  | Chi tiêu  | Chi tiêu    | Chi tiêu  | Chi tiêu     | Chi tiêu | Chi tiêu  | Chi tiêu  | Chi tiêu           | Chi tiêu |               |                             |                            |                                  |
| T. CỘNG    | 2.750                             | 2.501                  | 2.501    | 1.341    | 141            | 345              | 150            | 145             | 80                     | 240                    | 200                    | 40                 | 1.160               | 548         | 250           | 40            | 30       | 30        | 40        | 50        | 20          | 40        | 3            | 2        | 2         | 105       | 250                | 249      | 60            | 20                          | 40                         | 130                              |
| Quy Nhơn   | 397                               | 361                    | 361      | 284      | 31             |                  | 150            |                 |                        | 103                    |                        |                    | 77                  |             |               |               |          |           |           | 20        | 40          |           |              |          |           | 17        | 36                 | 36       | 11            |                             |                            | 25                               |
| Hoài Nhơn  | 380                               | 335                    | 335      | 320      | 25             | 165              |                |                 |                        | 90                     |                        | 40                 | 15                  |             |               |               |          |           |           |           |             |           |              |          |           | 15        | 45                 | 45       | 10            | 5                           | 10                         | 20                               |
| Phù Mỹ     | 356                               | 330                    | 330      | 120      | 20             | 100              |                |                 |                        |                        |                        |                    | 210                 | 57          | 103           |               |          |           | 40        |           |             |           |              |          |           | 10        | 26                 | 26       | 6             | 5                           |                            | 15                               |
| Phù Cát    | 351                               | 325                    | 325      | 242      | 15             |                  |                |                 | 80                     | 47                     | 100                    |                    | 83                  | 73          |               |               |          |           |           |           |             |           |              |          |           | 10        | 26                 | 26       | 2             |                             | 10                         | 15                               |
| Tuy Phước  | 345                               | 320                    | 320      | 116      | 16             |                  |                |                 |                        |                        | 100                    |                    | 204                 |             | 147           | 40            |          |           |           |           |             | 3         | 2            | 2        | 10        | 25        | 25                 | 5        |               | 10                          | 10                         |                                  |
| An Nhơn    | 320                               | 310                    | 310      | 117      | 17             |                  |                | 100             |                        |                        |                        |                    | 193                 | 133         |               |               |          |           | 50        |           |             |           |              |          |           | 10        | 10                 | 10       | 5             |                             |                            | 5                                |
| Tây Sơn    | 230                               | 210                    | 210      | 5        | 5              |                  |                |                 |                        |                        |                        |                    | 205                 | 135         |               |               | 30       | 30        |           |           |             |           |              |          |           | 10        | 20                 | 20       | 5             | 5                           |                            | 10                               |
| Hoài Ân    | 180                               | 160                    | 160      | 92       | 12             | 80               |                |                 |                        |                        |                        |                    | 68                  | 60          |               |               |          |           |           |           |             |           |              |          |           | 8         | 21                 | 20       | 5             | 5                           |                            | 10                               |
| An Lão     | 60                                | 50                     | 50       |          |                |                  |                |                 |                        |                        |                        |                    | 50                  | 45          |               |               |          |           |           |           |             |           |              |          |           | 5         | 10                 | 10       | 3             |                             |                            | 7                                |
| Vân Canh   | 60                                | 50                     | 50       |          |                |                  |                |                 |                        |                        |                        |                    | 50                  | 45          |               |               |          |           |           |           |             |           |              |          |           | 5         | 10                 | 10       | 3             |                             |                            | 7                                |
| Vĩnh Thạnh | 71                                | 50                     | 50       | 45       |                |                  |                | 45              |                        |                        |                        |                    | 5                   |             |               |               |          |           |           |           |             |           |              |          |           | 5         | 21                 | 21       | 5             |                             | 10                         | 6                                |